TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Trương Ngọc Điệp.

Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2022/QĐST ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Sa L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số 264/51/54A, tổ 4, khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Bùi Minh H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: số 264/51/54A, tổ 4, khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn bà Đặng Sa L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Q. Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông H thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn về tinh thần, tư tưởng, suy nghĩ, quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vả, mặc dù giữa bà L và ông H đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể dung hoà được. Năm 2020, bà L đi du học ở Đức đến năm 2021 khi trở về Việt Nam thì mâu thuẫn giữa bà L và ông H ngày càng trầm trọng hơn nên bà L và ông H đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà L yêu cầu được xin ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà L và ông H có hai con chung là Bùi Đặng Trâm A, sinh ngày 28/12/2012 và Bùi Thiên P, sinh ngày 25/9/2018. Thời gian bà L đi học, hai con chung do mẹ của bà L chăm sóc, hiện nay cháu Trâm A đang sinh sống cùng bà L, cháu Thiên P sinh sống cùng ông H. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trâm A và giao cháu Thiên P cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L không cấp dưỡng nuôi cháu P và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Trâm A.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/02/2022 và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Bùi Minh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà L tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2021. Ông H không đồng ý với nội dung mâu thuẫn như bà L trình bày. Năm 2020, bà L đã đi qua nước Đức du học, ông H và bà L đã có kế hoạch sẽ đưa cả gia đình qua Đức sinh sống nhưng vì dịch bệnh Covid 19 nên không thực hiện được. Giữa ông H và bà L có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vì ông H muốn ở Việt Nam sinh sống còn bà L muốn sinh sống ở Đức. Trước yêu cầu ly hôn của bà L, ông H không đồng ý vì còn thương bà L, không muốn gia đình tan rã, ảnh hưởng đến các con.

- Về con chung: Bà L và ông H có hai con chung là Bùi Đặng Trâm A, sinh ngày 28/12/2012 và Bùi Thiên P, sinh ngày 25/9/2018. Nếu Toà án giải quyết cho ly hôn, ông H đồng ý với yêu cầu của bà L là giao cháu Trâm A cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H nuôi dưỡng cháu Thiên P. Ông H không cấp dưỡng nuôi cháu Trâm A, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi cháu Thiên P.

- Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H vắng mặt tại phiên toà.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L khởi kiện ông H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Ông Bùi Minh H hiện đang cư trú tại phường Phú Hoà, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Bùi Minh H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H chung sống và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà L và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà L trình bày cuộc sống chung với ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Ông H thừa nhận từ đầu năm 2020 do bà L đã đi sang nước Đức đến năm 2022 thì trở về yêu cầu ly hôn, mâu thuẫn chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm không thể giải quyết được. Hiện nay, bà L và ông H đã sống ly thân nhưng không đồng ý ly hôn vì không muốn gia đình tan rã.

Xét thấy, bà L và ông H có một thời gian dài từ năm 2020 đến năm 2022 vì điều kiện công việc nên không sống chung với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không có sự đồng cảm, thấu hiểu, chia sẻ trong cuộc sống vợ chồng. Khi bà L quay về Việt Nam thì mâu thuẫn giữa bà L và ông H cũng không thể giải quyết được nên hiện nay đã sống ly thân. Việc ông H thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng cũng như hiện nay không còn chung sống là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Như vậy, bà L và ông H không còn chung sống, quan tâm, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Có căn cứ xác định mâu thuẫn của bà L và ông H đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trâm A và giao cháu Thiên P cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L không cấp dưỡng nuôi cháu Thiên P và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Trâm A. Ông H trình bày nếu Toà án giải quyết cho ly hôn, ông H thống nhất với yêu cầu của bà L. Tại bản tự khai ngày 17/02/2022, cháu Trâm A có nguyện vọng được sống với bà L. Do đó, căn cứ mọi mặt về quyền, lợi ích hợp pháp cũng như tôn trọng nguyện

vọng của cháu nên Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Trâm A cho bà Ly trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Thiên P cho ông Hải trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L và ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông H thống nhất không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Sa L đối với ông Bùi Minh H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: Bà Đặng Sa L được ly hôn với ông Bùi Minh H.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Đặng Trâm A, sinh năm 2012 cho bà Đặng Sa L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Thiên P, sinh năm 2018 cho ông Bùi Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L và ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông H không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đặng Sa L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000936 ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Q (GCNsố 60/quyển số 01/2012);
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Ngân